TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177**/2024/DS-PT
Ngày 17 - 4 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
Và HĐ chuyển nhượng QSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm Phán: - Ông **Nguyễn Thành Lập**

- Ông **Đặng Minh Trung**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hứa Như Nguyện** – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thanh Thuỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 thàng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp QSDĐ và hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Dương Duy T1**; Sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà **Ngô Thị S**; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (vắng mặt).

2. Ông **Tiêu Văn C1**; Sinh năm: 1955; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (đã chết).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tiêu Văn C1:*

2.1. **Bà Ngô Thị S**, sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (vắng mặt).

2.2. Ông **Tiêu Minh C2**, sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (có mặt).

2.3. Bà **Tiêu Thị D**; Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C . (vắng mặt).

2.4. Ông **Tiêu Minh C3**; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (vắng mặt).

2.5. Bà **Tiêu Huỳnh L**; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (vắng mặt).

2.6. Bà **Tiêu Thị T2**; Địa chỉ cư trú: Ấp Đông Mỹ, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.7. Bà **Tiêu Thị T3**; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Minh Thông (; Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 4, thành phố C, tỉnh C ..

2. Ông **Tiêu Minh C2**, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C . (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Tiêu Minh C2 là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Dương Duy T1 trình bày:* Năm 2000, ông chuyển nhượng phần đất của ông Lê Hữu Trí, ông quản lý sử dụng đến năm 2010 thì kê khai đăng ký và được UBND huyện Phú Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 05, thửa số 323, 324 với tổng diện tích là 30.369m^2, tọa lạc tại ấp Tân Thành Mới, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình chuyển đổi cơ cấu sang nuôi tôm thì gia đình có cơi nới bờ bao xung quanh để giữ nước nuôi tôm, cụ thể là giữa hộ ông với hộ ông Tiêu Văn C1 đã thỏa thuận thống nhất quản lý theo vị trí hiện trạng ranh đất trước đó. Đến năm 2013, ông có đưa cơ giới vào cải tạo kênh mương, đưa đất lên bờ ranh thì phát sinh tranh chấp với hộ ông C1. Sau đó giữa ông và hộ ông C1 thỏa thuận là ông C1 chuyển nhượng cho ông diện tích là 250m^2, giá chuyển nhượng 4.000.000 đồng, giữa ông và ông C1 có thỏa thuận ông C1 có thiếu tiền tôm giống của ông Nguyễn Minh Thông (4.000.000 đồng, ông C1 yêu cầu ông trả cho ông Thông, ông đã thanh toán tiền xong cho ông Thông vào năm 2013. Hai bên có lập giấy chuyển nhượng vào ngày 13/4/2013, trong đó nêu rõ "để tiện cho ông T1 canh tác, kể từ đây bờ vách (bờ ranh) mỗi người phân nữa, không ai lấn ai". Vào năm 2018 và năm 2021, ông tiếp tục đưa cơ giới vào cải tạo phần đất thì phía hộ ông C1 ngăn cản, không cho ông đưa đất lên bời ranh.

Quá trình quản lý và sử dụng đất, ông cho rằng hộ ông C1 có lấn sang phần đất của ông tổng cộng là 980,1m^2. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tiêu Văn C1, bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2 trả cho ông phần đất có diện tích là 980,1m^2.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/7/2023, ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với hộ ông Tiêu Văn C1, bà

Ngô Thị S lập ngày 13/4/2013 với diện tích 250m^2, đo đạc thực tế là 307,6m^2; Tại phiên hòa giải ngày 01/8/2023, ông thay đổi nội dung khởi kiện, rút lại một phần yêu cầu tranh chấp giáp kinh chữ T tại thửa số 4 có diện tích đo đạc thực tế là 178,7m^2. Tại phiên tòa ông T1 cho rằng, tại phiên hòa giải ngày 01/8/2023, ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện tại thửa số 4 có diện tích đo đạc thực tế là 178,7m^2 với lý do để hai bên thỏa thuận, nhưng ông C2 không đồng ý, nay thay đổi yêu cầu, tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tiêu Văn C1, bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C1 trả cho ông phần đất có diện tích đo đạc thực tế ngày 20/02/2023 tại thửa số 4 có diện tích là 178,7m^2 và thửa số 7 có diện tích là 534,3m^2, và yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Tiêu Văn C1, bà Ngô Thị S lập ngày 13/4/2013 với diện tích 250m^2, đo đạc thực tế là 307,6m^2, yêu cầu bà Ngô Thị S, và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tiêu Văn C1 trả lại cho ông chi phí đo đạc 45.349.581 đồng. Ông đồng ý trả lại giá trị phần đất chênh lệch là 4.160.000 đồng.

- Ông Tiêu Minh C2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Tiêu Văn C1 cũng và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2022, ông C2 thừa nhận ông T1 và ông C1 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 13/4/2013, diện tích chuyển nhượng là 250m^2, giá chuyển nhượng là 4.000.000 đồng. Việc ông C1 yêu cầu ông T1 trả cho ông Tèo 4.000.000 đồng tiền tôm giống, ông không biết. Khi phát hiện ông C1 và ông T1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông có ngăn cản với lý do ông không đồng ý chuyển nhượng đất cho ông T1, yêu cầu hủy hợp đồng, ông sẽ trả tiền lại cho ông Tèo. Lý do yêu cầu hủy hợp đồng là do hợp đồng ký kết vào năm 2018 chứ không phải năm 2013, lúc ký kết hợp đồng ông có điện cho ông Lê Hòa Hợp để ngăn cản việc chuyển nhượng. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T1 cho rằng gia đình ông có lấn đất ông T1.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2023, ông C2 yêu cầu không công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho rằng phần đất này là của ông Tiêu Văn C1 và bà Ngô Thị S, trong giấy chuyển nhượng chỉ có ông Tiêu Văn C1 ký tên, bà Ngô Thị S không ký tên nên yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/4/2013. Đối với phần đất tranh chấp tại thửa số 7 bản trích đo hiện trạng ngày 20/02/2023 có diện tích là 534,3m^2, ông cho rằng phần đất này là của gia đình ông.

Tại phiên tòa ông Tiêu Văn Cảnh trình bày: Ông C2 thừa nhận phần đất giáp phần đất tranh chấp với ông T1, có cây tràm bông vàng trồng trên bờ phía đất của ông C1 được trồng từ năm 2007, phần bờ đã được ông Tiêu Văn C1 đào từ năm 1995 đến nay. Phần đất tranh chấp với ông T1 tại thửa số 7 có diện tích 534,3m^2 ông cho rằng trên phần đất có một số ngôi mộ của trẻ con đã được chôn cất từ rất lâu nhưng hiện tại ông không biết vị trí ở đâu. Đối với phần đất

tại thửa số 4 có diện tích đo đạc là 178,7m^2 là phần đất của gia đình ông. Ông yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T1. Yêu cầu Tòa tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông T1 với ông C1 là vô hiệu, nếu Tòa án công nhận hợp đồng có hiệu lực thì ông đồng ý.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2023, ông Nguyễn Minh Thông (trình bày: Vào năm 2013, ông không nhớ ngày tháng, ông T1 và ông C1 có chuyển nhượng phần đất giáp ranh giá 4.000.000 đồng. Khi đó ông C1 có điện thoại cho ông nói ông C1 sang đất cho ông T1, ông T1 nợ ông C1 4.000.000 đồng và nói ông T1 trả cho ông 4.000.000 đồng thay ông C1, còn nợ 600.000 đồng ông C1 xin ông, ông đồng ý cho ông C1. Ông T1 đã trả cho ông 4.000.000 đồng vào năm 2013.

- Đối với bà Ngô Thị S, bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 đã được Tòa án triệu tập tham gia các phiên họp hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Duy T1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thiết lập ngày 13/4/2013 giữa ông Dương Duy T1 với ông Tiêu Văn C1, phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 307,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Thành Mới, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và giữ nguyên diện tích theo đo đạc thực tế 307,6m^2 (trừ 5,6m^2 đường bê tông) cho ông Dương Duy T1 quản lý, sử dụng. Vị trí công nhận cho ông Dương Duy T1 sử dụng đất gồm các điểm như sau: M20, M21, M23, M24 (theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/02/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển xanh Việt Nam – Bút lục số 156).

2. Buộc ông Dương Duy T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền 4.160.000 đồng cho bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, ông bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 tiền giá trị phần đất chênh lệch giữa hợp đồng chuyển nhượng và đo đạc thực tế 52m^2.

Kể từ ngày bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, ông bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Duy T1 không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, ông bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 giao trả cho ông Dương Duy T1 phần đất tranh

chấp tại thửa số 7 có diện tích là 534.3m^2 (trừ 3,2m^2 đường bê tông) có các điểm như sau: M19, M20, M24, M25; phần đất tranh chấp tại thửa số 4 có diện tích đo đạc thực tế là 178,7m^2 gồm các điểm như sau: M9, M10, M11, M12, M13, phần đất tọa lạc tại ấp Tân Thành Mới, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/02/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển xanh Việt Nam – Bút lục số 156).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/01/2024 ông C2 kháng cáo bản án nêu trên yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 13/4/2013 vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông C2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới bảo vệ kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông C2, nên kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C2, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo được ông C2 thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo theo quy định. Về thẩm quyền cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét kháng cáo của ông C2: Đối với giấy chuyển nhượng ngày 13/4/2013 giữa ông T1 và ông C1 được xác lập bằng văn bản, đối tượng giao dịch trong giấy chuyển nhượng làm phát sinh, thay đổi quyền và nghĩa vụ dân sự của hai bên tham gia ký kết, nên được xem là giao dịch dân sự theo quy định tại điều 116 BLDS. Tuy giấy chuyển nhượng chỉ là giấy viết tay có người làm chứng là bà Ngô Thị Đông, về đối tượng giao dịch là QSDĐ, tại thời điểm ký kết hợp đồng ông C1 đã được cấp QSDĐ, ông đã giao đất cho ông T1 quản lý và sử dụng ngay sau khi chuyển nhượng cho đến nay, toàn bộ số tiền chuyển nhượng ông C1 dùng vào việc thanh toán nợ chung của vợ chồng ông C1 và bà S, nên theo quy định tại điều 129 BLDS và án lệ số 55 thì giao dịch chuyển nhượng đất này có hiệu lực và phải được tiếp tục thực hiện, do đó kháng cáo của ông C2 về vấn đề này không được chấp nhận.

Đối với phần đất tranh chấp theo bản vẽ hiện trạng thuộc thửa số 7 và số 4, trong đó thửa số 7 nằm liền kề với phần đất ông C1 chuyển nhượng cho ông T1, tiếp giáp với đất ông T1, từ đó cho thấy có sự bất hợp lý đối với vị trí còn lại không chuyển nhượng bị chia hai không liền thửa. Đối với thửa số 4 theo bản đồ địa chính và sơ đồ vị trí trong giấy chứng nhận QSDĐ đất cấp cho ông C1 BL 64,65 ở vị trí này là cạnh thẳng, hiện tại bị cong không đúng với sơ đồ địa chính, hơn nữa theo đo đạc thực tế đất ông C1 thừa so với diện tích đất được cấp, trong khi đó đất ông T1 thiếu so với diện tích được cấp nên quyết định của án sơ thẩm là có căn cứ, do đó kháng cáo của ông C2 về vấn đề này không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm ông C2 phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghi Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Tiêu Minh C2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 09/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Duy T1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thiết lập ngày 13/4/2013 giữa ông Dương Duy T1 với ông Tiêu Văn C1, phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 307,6m^2 tọa lạc tại ấp Tân Thành Mới, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và giữ nguyên diện tích theo đo đạc thực tế 307,6m^2 (trừ 5,6m^2 đường bê tông) cho ông Dương Duy T1 quản lý, sử dụng. Vị trí công nhận cho ông Dương Duy T1 sử dụng đất gồm các điểm như sau: M20, M21, M23, M24 (theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/02/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển xanh Việt Nam – Bút lục số 156).

2. Buộc ông Dương Duy T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền 4.160.000 đồng cho bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 tiền giá trị phần đất chênh lệch giữa hợp đồng chuyển nhượng và đo đạc thực tế 52m^2.

Kể từ ngày bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Duy T1 không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì

phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 giao trả cho ông Dương Duy T1 phần đất tranh chấp tại thửa số 7 có diện tích là 534.3m^2 (trừ 3,2m^2 đường bê tông) có các điểm như sau: M19, M20, M24, M25; phần đất tranh chấp tại thửa số 4 có diện tích đo đạc thực tế là 178,7m^2 gồm các điểm như sau: M9, M10, M11, M12, M13, phần đất tọa lạc tại ấp Tân Thành Mới, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/02/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển xanh Việt Nam – Bút lục số 156).

4. Chi phí tố tụng và án phí: Buộc bà Ngô Thị S, ông Tiêu Minh C2, bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 phải hoàn trả toàn bộ chi phí đo đạc phần đất tranh chấp là 45.349.581 đồng cho ông Dương Duy T1.

Kể từ ngày ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bà S, Đen, Lệ, Tú, Thắm; Các ông C3, Cảnh không thanh toán xong các khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Duy T1 không phải chịu. Ngày 07/7/2022, 10/07/2023 ông đã nộp tạm ứng 735.000 đồng và 300.000 đồng tại các lai thu số 0018063 và 0019054 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông được nhận lại.

Buộc bà Ngô Thị S chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 150.000 đồng án phí về tranh chấp QSDĐ, nhưng do bà được miễn nên không phải nộp. Ông Tiêu Minh C2, bà Tiêu Thị D, ông Tiêu Minh C3, bà Tiêu Huỳnh L, bà Tiêu Thị T2, bà Tiêu Thị T3 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí về tranh chấp quyền sử dụng đất. Tổng cộng là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (Chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm ông C2 phải chịu 300.000đ ngày 22/01/2024 ông đã dự nộp số tiền này tại lai thu số 3192 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế